

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2022/HS-ST

Ngày: 31/10/2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Quang Bình.

Thẩm phán: Ông Lê Vũ Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiên Nam.
2. Bà Võ Thị Phương Thảo.
3. Ông Võ Văn Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Ân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:
Ông Bảo Tá và ông Trần Đăng Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, số A T, thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 29/2022/TLST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2022. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2022/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Trương Hữu L; Tên gọi khác: Xem; sinh năm 1984, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: KV2, C, T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trương Hữu D; Sinh năm 1953. Con bà: Hồ Thị B; Sinh năm: 1958; Vợ: Nguyễn Thị H; Sinh năm 1989. Có 3 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2019

Tiền án: 01 tiền án: Ngày 20/6/2019, bị Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 01 năm cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc” theo bản án số 38/HSST).

Tiền sự: Không

Quá trình nhân thân:

- Ngày 12/7/2000, bị Công an huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt hành chính bằng hình thức phạt cảnh cáo về hành vi “cố ý gây thương tích”.

- Ngày 09/5/2007, bị Công an huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”.

Bắt tạm giữ ngày 08/4/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. Có mặt.

2. Nguyễn Thị Trúc L1; Tên gọi khác: Ty; sinh ngày 10/10/1979, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: 2 N, P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: Uốn tóc; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Chánh H1; Sinh năm 1953; Con bà: Hồ Thị H2; Sinh năm: 1953; Chồng: Đặng Quốc B1; Sinh năm 1973. Có 3 con, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2015;

Tiền án/tiền sự: Không.

Bắt tạm giữ ngày 08/4/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. Có mặt.

3. Phạm H3; Sinh ngày 25/7/1978, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: Kiệt E, C, T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: Thợ nề; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm H4; Sinh năm 1956; Con bà: Lê Thị Thu L2; Sinh năm 1956; Vợ: Hoàng Thị Phương N Sinh năm 1981. Có 2 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2011.

Tiền án/tiền sự: Không.

Bắt tạm giữ ngày 08/4/2021, tạm giam cho đến ngày 03/11/2021 thay thế bằng biện pháp bảo lãnh cho đến nay. Có mặt.

4. Võ Thành C; Sinh ngày 28/10/1977 tại tỉnh Quảng Ngãi; Nơi cư trú: L, P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Võ Thành T, đã chết; Con bà: Nguyễn Thị L3, đã chết; Vợ: Đinh Thị Thủy T1; Sinh năm 1980; Có 2 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2006.

Tiền án/tiền sự: Không

- Ngày 02/8/2004, bị Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 08 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo bản án số 70/HSST.

- Ngày 08/9/2005, bị Công an tỉnh T xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”.

Bắt tạm giữ ngày 08/4/2021, tạm giam cho đến ngày 03/11/2021 thay thế bằng biện pháp bảo lãnh cho đến nay. Có mặt.

5. Bùi Thanh T2; Sinh ngày 23/6/1985, tại tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: 116/01 Nguyễn Chí T3, T, Buôn Ma T4, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình

độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Bùi Văn T5, đã chết; Con bà: Bùi Thị T6; Sinh năm 1963; Vợ: Hà Thị V; Sinh năm 1990. Có 2 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2010.

Tiền án/tiền sự: Không

Bắt tạm giữ ngày 08/4/2021, tạm giam cho đến ngày 03/11/2021 thay thế bằng biện pháp bảo lãnh cho đến nay. Có mặt.

6. Nguyễn Thị Tuyết S; Sinh ngày 07/02/1985, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: D L, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn T7; Sinh năm 1961, đã chết; Con bà: Hồ Thị M; Sinh năm 1964; Chồng: Hồ Văn M1; Sinh năm 1973; Có 1 con sinh năm 2009

Tiền án/tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

7. Nguyễn Thị Tuyết S1; Sinh ngày 14/4/1977, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: D L, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: Uốn tóc; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn T7; Sinh năm 1961, đã chết; Con bà: Hồ Thị M; Sinh năm 1964; Chồng: Lê Huỳnh Quang T8; Sinh năm 1968, đã ly hôn; có 1 con sinh năm 1996.

Tiền án/tiền sự: Không.

Ngày 12/3/2008, bị Công an thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

8. Nguyễn Hữu A; Sinh ngày 01/01/1970, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: Dạ L, T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: Thợ cơ khí; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Hữu K; Sinh năm 1946; Con bà: Nguyễn Thị T9; Sinh năm 1949; Vợ: Nguyễn Thị H5; Sinh năm 1976; Có 3 con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2003.

Tiền án/tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

9. Phan Công T10; Sinh ngày 07/6/1978, tại: tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: Xóm chùa, Vân Thế T11, T, H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: Thợ làm giày dép; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phan Công H6, đã chết; Con bà: Nguyễn

Thị C1; Sinh năm 1941; Vợ: Chế Thị L4; Sinh năm 1977; Có 3 con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2002.

Tiền án/tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

10. Nguyễn Viết Đ; Sinh ngày 01/3/1981, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: V, P, P, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: Xây dựng; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Viết Đ1; Sinh năm 1956; Con bà: Phan Thị H7; Sinh năm 1959; Vợ: Trần Thị Q; Sinh năm 1984; Có 5 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2021.

Tiền án/tiền sự: Không.

Tháng 02/2003, nhập ngũ tại Tiểu đoàn A, Trung đoàn B3, Sư đoàn C2 tại Thanh Hóa. Đến tháng 12/2004, xuất ngũ về địa phương làm nghề xây dựng.

Bị can hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

11. Nguyễn Tất B2; Sinh ngày 28/12/1970, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: D, T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: Xây dựng; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Tất N1, đã chết; Con bà: Chế Thị Q1; Sinh năm 1925; Vợ: Nguyễn Thị N2; Sinh năm 1973; Có 3 con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2010.

Tiền án/tiền sự: Không.

Tháng 09/1992, nhập ngũ tại Đồn Biên phòng B4 thuộc Bộ chỉ huy Biên phòng tỉnh T. Đến tháng 09/1994, xuất ngũ về địa phương làm nghề xây dựng.

Bị can hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

12. Hồ Công V1; Sinh ngày 18/8/1983, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: Kiệt A, C, T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hồ Công T12; Sinh năm 1953; Con bà: Trương Thị X; Sinh năm 1954; Vợ: Phan Thị Thu T13; Sinh năm 1985; Có 5 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2021.

Tiền án/tiền sự: Không.

Bị can hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

-Người bào chữa cho bị cáo Trương Hữu L:

Ông Nguyễn Hoài N3, Luật sư Công ty L8. Địa chỉ: I N, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

-Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Trúc L1:

Bà Lê Thị Trà M2, Luật sư Công ty L8. Địa chỉ: I N, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

-Bị hại:

1. Nguyễn Hữu A; Sinh ngày 01/01/1970; Nơi cư trú: Dạ L, T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Có mặt.

2. Phan Công T10; Sinh ngày 07/6/1978; Nơi cư trú: Xóm chùa, Vân Thế T11, T, H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Có mặt.

3. Nguyễn Viết Đ; Sinh ngày 01/3/1981; Nơi cư trú: V, P, P, tỉnh Thừa Thiên Huế; Có mặt.

4. Nguyễn Tất B2; Sinh ngày 28/12/1970; Nơi cư trú: D, T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Có mặt.

5. Hồ Công V1; Sinh ngày 18/8/1983; Nơi cư trú: Kiệt A, C, T, phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Có mặt

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trương Hữu D, sinh năm: 1950. Nơi cư trú: C, Thủy V2, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. Chị Đinh Thị Thủy T1, sinh năm: 1980. Nơi cư trú: Thôn L, xã P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

3. Chị Đặng Ngọc Bích L5, sinh năm: 1998. Nơi cư trú: 0 N, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

-Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Ngọc Q2, sinh năm: 1981. Nơi cư trú: 47/235 Bà T, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

2. Ông Ngô Đức T14, sinh năm: 1968. Nơi cư trú: 298 Diêm P, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dó có mối quan hệ ngoài xã hội với nhau từ trước, khoảng cuối năm 2019 đến tháng 03 năm 2021. Trương Hữu L cùng với Nguyễn Thị Trúc L1, Võ Thành C, Bùi Thanh T2, Phạm H3, Nguyễn Thị Tuyết S, Nguyễn Thị Tuyết S1, bàn bạc với nhau, phân công vai trò của từng người như tìm kiếm các con mồi (người có điều kiện về kinh tế, chủ thầu xây dựng, chủ cơ sở sản xuất) giả vờ liên hệ đặt hàng hoặc thuê thi công rồi mời đến ăn uống giao lưu công việc. Khi “con mồi” đến cùng ăn uống, thì cả nhóm thay nhau mời uống bia, tạo ra các tình huống tình cờ gặp nhau rồi rủ đánh bạc. Nghĩ là đánh bạc thắng thua bằng tiền, không có gian dối gì

nên Nguyễn Hữu A, Phan Công T10, Nguyễn Viết Đ, Nguyễn Tất B2, Hồ Công V1 cùng tham gia đánh bạc. Nhóm L1 đem theo nhiều tiền (tiền mồi), chia nhau để trước sòng bạc nhằm tạo niềm tin, kích thích lòng tham, nếu người chơi thua hết tiền thì cho mượn tiền để đánh bạc tiếp. Như đã bàn bạc, phân công từ trước, khi vào đánh bạc thì nhóm của L1 dùng thủ đoạn gian dối bằng cách đổi bài cho nhau, chia thêm bài hoặc giấu bài, nhanh tay mở đĩa để cho đồng bọn nhìn thấy các con vị nhằm đánh trúng kết quả để lừa chiếm đoạt tiền của những bị hại rồi chia nhau tiêu xài cá nhân, cụ thể như sau:

1. Hành vi đánh bạc và lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Hồ Công V1:

Khoảng cuối năm 2019, do biết Hồ Công V1 làm dịch vụ tổ chức sự kiện Trương Hữu L giao cho Nguyễn Thị Tuyết S liên lạc với V1 giả vờ làm hợp đồng tổ chức đám cưới rồi rủ anh V1 đến ăn uống. Trong quá trình ăn uống thì rủ đánh bạc bằng hình thức chơi bài xì lác. Cách thức chơi là lấy bộ bài gồm 52 lá để trên đĩa sứ, mỗi người chơi thay nhau làm cái (nếu muốn làm cái). Khi chơi, người chơi đặt tiền cược ra trước mặt của mình xong thì người cầm cái tiến hành chia bài. Người cầm cái chia cho mỗi người chơi 02 lá (bao gồm cả người làm cái) để đánh thắng thua với cái; số bài còn lại để trên đĩa nếu ai chưa đủ điểm sẽ bốc bài tiếp cho đến khi đủ điểm; mỗi người chơi được bốc nhưng không quá 05 con bài. Cách tính điểm là: Ngộ bàn là gồm có 02 con Xì (AA), xì lác là gồm có 01 con Xì và 01 con bài khác có K, Q, J, con mười, ngũ linh là gồm 05 con nhưng có tổng điểm không quá 21 điểm, tương tự như thế xác định từ 21 xuống 16 điểm, V1 không nghi ngờ gì nên đồng ý. Khi vào đánh thì nhóm của L đổi bài cho nhau để V1 tưởng mình bị thua bài thật rồi chiếm đoạt tiền.

- Lần 1: Tại quán nhậu gần bến xe phía N, thành phố H (đến nay không còn hoạt động). Trương Hữu L đem theo 4.000.000 đồng, Nguyễn Thị Tuyết S đem theo 1.000.000 đồng và một người tên Q2 (không xác định nhân thân lại lịch) cùng V1 đánh bài xì lác. V1 không mang theo tiền nên được L cho mượn tiền để đánh. Vẹn thua 30.000.000 đồng, khi trả nợ thì L chia cho mình 7.000.000 đồng, S 7.000.000 đồng, số tiền còn lại chia cho Q2 và tiêu xài hết. Tổng số tiền dùng để đánh bạc là 35.000.000 đồng.

- Lần 2: Trương Hữu L đem theo 4.000.000 đồng cùng với đối tượng tên L6 (không xác định được nhân thân, lại lịch) rủ V1 đến ngôi nhà không có người tại phường T, Thành phố H đánh bài xì tây để anh Vẹn g lại tiền đã thua. Cách thức chơi là lấy bộ bài gồm 52 lá để trên đĩa sứ, mỗi người chơi thay nhau chia bài, mỗi người 02 lá sau đó luân phiên bốc bài cho đủ mỗi người 5 lá bài và quy ước với nhau thứ tự là nhất tứ quý (4 lá bài trùng nhau), nhì phi ly (5 lá bài cùng một nước), tam suốt (từ 10 đến xì), tứ sâu (3 lá bài cùng trùng nhau với 2 con trùng nhau). Trong khi đánh thì L và L6 đổi bài cho nhau hoặc chia cho đồng bọn nhiều lá bài hơn (06 lá) để thắng bài. Với cách thức đánh bài và thủ đoạn như đã nêu trên, L và L6 thắng của V1 số tiền 30.000.000 đồng. Chiếm đoạt xong L chia cho mình 15.000.000 đồng, số tiền còn lại chia cho L6. Tổng số tiền dùng để đánh bạc là 34.000.000 đồng.

2. Hành vi đánh bạc và lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Viết Đ: Khoảng tháng 02/2020, do biết thông tin Nguyễn Viết Đ làm nghề thầu xây dựng nên Trương Hữu L giả vờ nói cần ký hợp đồng xây dựng và hẹn đến quán K1, xã T, thị xã H ăn uống và làm hợp đồng thi công. Nguyễn Viết Đ không nghi ngờ gì nên đến, trong quá trình ăn uống với nhau, Trương Hữu L rủ đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa. Cách thức đánh là lấy bộ chén đĩa, dùng bài tú lơ khơ cắt thành 4 hình tròn gọi là con vị có hai mặt khác nhau. Khi xóc thì cho kết quả chẵn hoặc lẻ để người chơi đặt cược và tính thắng thua. Nghĩ là đánh bạc thắng thua bằng tiền nên Nguyễn Viết Đ đồng ý tham gia. Trương Hữu L đem theo 4.000.000 đồng cùng với đối tượng tên L6 (không xác định được nhân thân lai lịch). Trương Hữu L nói Nguyễn Viết Đ đi cầm xe máy của Đ và thêm đồ tư trang cá nhân được 60.000.000 đồng cùng L và L6 đánh xóc đĩa. Khi đánh thì L và L6 mở chén cho nhau xem trước kết quả (chẵn, lẻ) để đánh và thắng Đầu toàn bộ số tiền 60.000.000 đồng. Trương Hữu L được chia 15.000.000 đồng, số tiền còn lại thì L6 chiếm đoạt, đến nay không xác định được. Số tiền đánh bạc là 64.000.000 đồng. Trương Hữu L tiếp tục nói Đ đi mượn của người quen thêm 50.000.000 đồng để đánh với L6 nhằm gỡ lại tiền. Cả ba đến ngôi nhà không có chủ tại xã T, thị xã H tiếp tục đánh bài binh. Cách thức đánh là chia mỗi người 13 lá bài và sắp bài theo quy ước, khi đối chiếu với nhau để tính thắng thua. Khi đánh bài thì Trương Hữu L và L6 bàn nhau gian lận bằng cách chia thêm bài (15 lá bài) để luôn thắng. Nguyễn Viết Đ thua hết 50.000.000 đồng, Trương Hữu L được chia 25.000.000 đồng, số tiền còn lại L6 chiếm đoạt, đến nay không xác định được. Số tiền dùng để đánh bạc là 50.000.000 đồng. Tổng số tiền dùng để đánh bạc là 114.000.000 đồng.

3. Hành vi đánh bạc và lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Hữu A: Do biết thông tin Nguyễn Hữu A làm nghề cơ khí nên Võ Thành C giả vờ đến thuê làm kho hàng bằng sắt cho Nguyễn Thị Trúc L1 và hẹn anh Nguyễn Hữu A đến quán K1, xã T, thị xã H ăn uống và làm hợp đồng thi công. Nguyễn Hữu A không nghi ngờ gì nên đến, trong quá trình ăn uống với nhau thì Trương Hữu L rủ đánh bạc bằng hình thức chơi bài xì lác. Nghĩ là đánh bạc thắng thua bằng tiền nên Nguyễn Hữu A đồng ý, như đã bàn bạc từ trước, khi đánh bài thì nhóm của L sẽ đổi bài cho nhau để thắng bài, chiếm đoạt tiền, cụ thể các lần như sau:

- Lần 1: Ngày 24/12/2020, tại nhà nghỉ M3, phường V, Thành phố H. Trương Hữu L đem theo 10.000.000 đồng, Nguyễn Thị Tuyết S đem theo 11.000.000 đồng, Võ Thành C đem theo 10.000.000 đồng để “làm môi” đánh bạc, Nguyễn Thị Trúc L1 tham gia giúp sức. Nguyễn Hữu A không đem theo tiền, được Trương Hữu L và Nguyễn Thị Trúc L1 cho mượn 80.000.000 đồng cùng đánh bạc với Nguyễn Thị Tuyết S; Võ Thành C và thua hết. Sau đó, Nguyễn Hữu A trả nợ Trương Hữu L và Nguyễn Thị Trúc L1 số tiền 80.000.000 đồng, Hữu L chia đều cho bốn người, mỗi người 20.000.000 đồng. Tổng số tiền dùng để đánh bạc là 111.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 25/12/2020 tại nhà nghỉ M3, phường V, thành phố H, Trương Hữu L đem theo 10.000.000 đồng, Võ Thành C đem theo 20.000.000 đồng, Bùi Thanh T2 đem theo 1.700.000 đồng, Nguyễn Hữu A không mang theo tiền, nên nhóm L cho mượn số tiền 190.000.000 đồng. Nguyễn Hữu A cùng Trương Hữu L,

Võ Thành C và Bùi Thanh T2 trực tiếp đánh cờ bạc bịp bằng hình thức chơi bài xì tây; Nguyễn Thị Trúc L1 và Nguyễn Thị Tuyết S (không đánh). Cách thức chơi là lấy bộ bài gồm 52 lá để trên đĩa sứ, mỗi người chơi thay nhau chia bài, mỗi người 02 lá sau đó luân phiên bốc bài cho đủ mỗi người 5 lá bài và quy ước với nhau thứ tự là nhất tứ quý (4 lá bài trùng nhau), nhì phi ly (5 lá bài cùng một nước), tam suốt (từ 10 đến xì), tứ sâu (3 lá bài cùng trùng nhau với 2 con trùng nhau). Trong khi đánh thì L1, C, T2 đổi bài cho nhau hoặc chia cho đồng bọn nhiều lá bài hơn (06 lá) để thắng bài. Nguyễn Hữu A thua 190.000.000 đồng, Trương Hữu L chia cho mình 40.000.000 đồng, Võ Thành C 40.000.000 đồng, Bùi Thanh T2 55.000.000 đồng, Nguyễn Thị trúc L7 32.000.000 đồng. Tổng số tiền dùng để đánh bạc là 221.700.000 đồng.

Lần 3: Cuối tháng 12/2020, tại nhà nghỉ T19, đường T, phường V, thành phố H. Trương Hữu L đem theo 4.000.000 đồng cùng với đối tượng tên T15 (không xác định được họ tên, địa chỉ, là bạn quen biết ngoài xã hội của L), T15 đi cùng một bạn gái nói tên là U (không rõ lai lịch). Trương Hữu L cùng T15, U đánh bài xì tây với thủ đoạn gian lận như đổi bài, chia thêm bài, thắng Nguyễn Hữu A số tiền 240.000.000 đồng. Sau đó, Trương Hữu L và T15 trực tiếp đòi nợ được 240.000.000 đồng. Trương Hữu L được chia 55.000.000 đồng, Nguyễn Thị Trúc L1 không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng được chia 55.000.000 đồng, còn T15 được bao nhiêu tiền và cho U bao nhiêu tiền thì chưa xác định được. Tổng số tiền dùng để đánh bạc là 244.000.000 đồng.

4. Hành vi đánh bạc và lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Tất B2: Do biết Nguyễn Tất B2 làm thầu xây dựng nên ngày 01/02/2021 Trương Hữu L giao cho Nguyễn Thị Trúc L1 liên lạc với B2 mời ăn uống để ký hợp đồng xây nhà, B2 tin thật nên đồng ý. Sau khi ăn uống xong thì cả nhóm rủ B2 đến nghỉ H, đường H, phường V, Thành phố H đánh bạc bằng hình thức bài xì lát. B2 có đem theo 14.500.000 đồng, Nguyễn Thị Tuyết S1 đem theo 2.000.000 đồng, Bùi Thanh T2 đem theo 2.000.000 đồng. Cả nhóm cùng nhau đánh bài xì lát, với phương thức đánh bài và thủ đoạn gian lận như đã nêu trên. B2 thua hết tiền 14.500.000 đồng. Nguyễn Thị Trúc L1 cho B2 mượn nhiều lần với số tiền 50.000.000 đồng, B2 thua hết 64.500.000 đồng. Trương Hữu L chia cho mình 25.000.000 đồng, Nguyễn Thị Trúc L1 lấy 25.000.000 đồng, Bùi Thanh T2 8.000.000 đồng. Tổng số tiền dùng để đánh bạc là 68.500.000 đồng.

5. Hành vi đánh bạc và lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Phan Công T10: Do biết Phan Công T10 làm nghề giày dép nên Trương Hữu L giao cho Nguyễn Thị Trúc L1 liên lạc với Phan Công T10 giả vờ làm hợp đồng mua Giày dép của anh T10, rủ anh T10 đến ăn uống. Sau khi ăn uống xong, cả nhóm rủ T16 đến nhà nghỉ T19, đường T, phường V, Thành phố H để đánh bạc, như sau:

- Lần 1: Ngày 21/3/2021, tại nhà nghỉ T19, đường T, phường V, thành phố H. Trương Hữu L đem theo 5.000.000 đồng, Phạm H8 đem theo 2.000.000 đồng và đối tượng tên là T15 (không xác định được họ tên, địa chỉ), T10 không đem theo tiền nên được cho mượn tiền để đánh bài cào. Cách thức đánh cào là lấy bộ bài gồm 52 lá, người chơi thay nhau chia bài, mỗi người chơi được chia 3 lá sau đó cộng lại

ai lớn điểm hơn hoặc có 3 lá bài được quy ước là lớn hơn thì thắng. Khi đánh thì Trương Hữu L, Phạm H3, Nguyễn Thị Trúc L1 và T15 chia thêm bài cho nhau để thắng một mình Phan Công T10.

Kết thúc hành vi đánh cờ bạc bịp Trương Hữu L, Phạm H3 đã thắng Phan Công T10 số tiền 190.000.000 đồng. Trương Hữu L và Nguyễn Thị Trúc L1 đòi nợ được 190.000.000 đồng. Trương Hữu L được chia 40.000.000 đồng, Nguyễn Thị Trúc L1 được chia 32.000.000 đồng, Phạm H3 được chia 25.000.000 đồng. Ngoài ra L1 cùng đồng phạm có sử dụng một số tiền không nhớ bao nhiêu tiêu xài với nhau. Đối tượng T15 cần bao nhiêu tiền không xác định được. Tổng số tiền dùng để đánh bạc là 197.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 27/3/2021, tại nhà nghỉ B5, phường P, thành phố H. Trương Hữu L đem theo 4.000.000 đồng, Phạm H3 đem theo 2.000.000 đồng; Nguyễn Thị Tuyết S1 đem theo 1.000.000 đồng còn Nguyễn Thị Trúc L1 không mang theo tiền, Phan Công T17 không đem theo tiền nên khi đánh bạc bằng hình thức đánh bài xì lác thì mượn tiền để đánh và ghi nợ. Với thủ đoạn nêu trên L1 và đồng phạm chiếm đoạt của Phan Công T10 280.000.000 đồng. Sau đó, Trương Hữu L và Phạm H3 đòi nợ được 280.000.000 đồng. Trương Hữu L được chia 75.000.000 đồng, Nguyễn Thị Trúc L1 được chia 75.000.000 đồng, Phạm H3 được chia 50.000.000 đồng, Nguyễn Thị Tuyết S1 được chia 27.000.000 đồng. Tổng số tiền dùng để đánh bạc của các bị can là 287.000.000 đồng.

Như vậy, các bị can đã cùng nhau lừa đảo bằng hình thức đánh cờ bạc bịp 09 lần, với tổng số tiền chiếm đoạt của 05 người là 1.214.5000.000 đồng (một tỉ hai trăm mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng).

Tang vật thu giữ:

- Nguyễn Thị Tuyết S giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA Model: TA1212 màu trắng đã qua sử dụng. Phạm Hiền giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA Model: TA1203 màu đen đã qua sử dụng và 01 Một điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, mặt sau màu tím, có ốp lưng màu đen đã qua sử dụng. Trương Hữu L giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA Model: RM1172 đã qua sử dụng và giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, mặt sau màu xanh đen đã qua sử dụng. Nguyễn Thị Tuyết S1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, mặt sau màu tím, có ốp lưng màu hồng, đen, trắng, đã qua sử dụng

- Tạm giữ của Trương Hữu L số tiền 50.000.000 đồng; của Nguyễn Thị Trúc L1 số tiền 50.000.000 đồng; của Nguyễn Thị Tuyết S số tiền 27.000.000 đồng; của Nguyễn Thị Tuyết S1 số tiền 27.000.000 đồng; của Bùi Thanh T2 số tiền 65.000.000 đồng; Võ Thành C số tiền 20.000.000 đồng; của Phạm H3 số tiền 20.000.000 đồng. Tổng số tiền tạm giữ là 259.000.000 đồng do phạm tội mà có.

Tại bản Cáo trạng số 19/CT-VKSTTH-P2 ngày 25/5/2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố các bị cáo Trương Hữu L, Nguyễn Thị Trúc L1 về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều

174 Bộ luật hình sự; các bị cáo Phạm H3; Võ Thành C; Bùi Thanh T2, Nguyễn Thị Tuyết S, Nguyễn Thị Tuyết S1 bị truy tố về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Trương Hữu L, Nguyễn Thị Trúc L1, Phạm H3, Võ Thành C, Bùi Thanh T2, Nguyễn Thị Tuyết S, Nguyễn Thị Tuyết S1, Nguyễn Hữu A, Phan Công T10, Nguyễn Viết Đ, Nguyễn Tất B2 và Hồ Công V1 bị truy tố về tội: “Đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã rút một phần quyết định truy tố đối với các bị cáo Trương Hữu L, Nguyễn Thị Trúc L1, Phạm H3; Võ Thành C; Bùi Thanh T2, Nguyễn Thị Tuyết S và Nguyễn Thị Tuyết S1 về tội: “Đánh bạc”; giữ nguyên quan điểm của cáo trạng đã truy tố các bị cáo Trương Hữu L, Nguyễn Thị Trúc L1, Phạm H3; Võ Thành C; Bùi Thanh T2, Nguyễn Thị Tuyết S, Nguyễn Thị Tuyết S1 về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, đề nghị truy tố bị cáo Nguyễn Thị Tuyết S về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự, các bị cáo Nguyễn Hữu A, Phan Công T10, Nguyễn Viết Đ, Nguyễn Tất B2, Hồ Công V1 về tội: “Đánh bạc” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, t khoản 1 Điều 51; điểm b, g khoản 1 Điều 52, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (bị cáo Trương Hữu L áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự), đề nghị xử phạt bị cáo Trương Hữu L mức án từ 9 năm đến 10 năm tù, bị cáo Nguyễn Thị Trúc L1 mức án từ 7 năm đến 8 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo Phạm H3 mức án từ 4 năm đến 5 năm tù, Võ Thành C mức án từ 3 năm đến 3 năm 6 tháng tù, Bùi Thanh T2 mức án từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù, Nguyễn Thị Tuyết S1 mức án từ 2 năm 6 tháng đến 3 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tuyết S mức án từ 9 tháng đến 1 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, (không áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 đối với bị cáo Nguyễn Viết Đ và Nguyễn Tất B2), đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu A mức án từ 9 tháng đến 1 năm tù, Phan Công T10 mức án từ 8 tháng đến 10 tháng tù, Nguyễn Viết Đ mức án từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng, Nguyễn Tất B2 mức án từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, Hồ Công V1 mức án từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

Đề nghị tịch thu các điện thoại di động mà các bị cáo đã nộp.

Trả lại cho các bị hại số tiền 259.000.000 đồng và buộc các bị cáo có liên quan phải tiếp tục trả đủ số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho các bị cáo đồng ý với tội danh của đại diện Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đối với các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Không áp dụng điểm b khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự và áp dụng thêm điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo.

Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên: Trong quá trình thực hiện điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của các bị cáo là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2019 đến tháng 3 năm 2021, tại địa bàn thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Trương Hữu L, Võ Thành C, Bùi Thanh T2, Phạm H3, Nguyễn Thị Trúc L1, Nguyễn Thị Tuyết S, Nguyễn Thị Tuyết S1 đã thống nhất cùng nhau dùng thủ đoạn gian dối bằng cách giả và đặt hàng, xây dựng nhà, mua hàng để tiếp cận, rủ ăn uống và lôi kéo bị hại vào việc đánh bạc; thông qua việc đánh bạc trái phép (cờ bạc bịp, như chia thêm bài, đổi bài, cho xem kết quả xóc đĩa) rồi chiếm đoạt tài sản của bị hại, cụ thể:

- Chiếm đoạt của Hồ Công V1:

Trương Hữu L và Nguyễn Thị Tuyết S chiếm đoạt 30.000.000 đồng.

Trương Hữu L chiếm đoạt 30.000.000 đồng.

- Chiếm đoạt của Nguyễn Viết Đ:

Trương Hữu L chiếm đoạt 110.000.000 đồng.

- Chiếm đoạt của Nguyễn Hữu A:

Trương Hữu L, Võ Thành C, Nguyễn Thị Tuyết S, Nguyễn Thị Trúc L1 chiếm đoạt 80.000.000 đồng.

Trương Hữu L, Võ Thành C, Bùi Thanh T2, Nguyễn Thị Trúc L1 chiếm đoạt 190.000.000 đồng.

Trương Hữu L, Nguyễn Thị Trúc L1 chiếm đoạt 240.000.000 đồng.

- Chiếm đoạt của Nguyễn Tất B2:

Trương Hữu L, Nguyễn Thị Tuyết S1, Bùi Thanh T2, Nguyễn Thị Trúc L1 chiếm đoạt 64.500.000 đồng.

- Chiếm đoạt của Nguyễn Tất T18:

Trương Hữu L, Phạm H3, Nguyễn Thị Trúc L1 chiếm đoạt 190.000.000 đồng.

Trương Hữu L, Phạm H3, Nguyễn Thị Tuyết S1, Nguyễn Thị Trúc L1 chiếm đoạt 280.000.000 đồng.

Như vậy, Trương Hữu L 9 lần chiếm đoạt số tiền 1.214.500.000 đồng, Nguyễn Thị Trúc L1 6 lần chiếm đoạt số tiền 1.044.500.000 đồng, Phạm H3 2 lần chiếm đoạt số tiền 470.000.000 đồng, Nguyễn Thị Tuyết S1 2 lần chiếm đoạt số tiền 344.500.000 đồng, Võ Thành C 2 lần chiếm đoạt số tiền 270.000.000 đồng, Bùi Thanh T2 2 lần chiếm đoạt số tiền 254.500.000 đồng, Nguyễn Thị Tuyết S 2 lần chiếm đoạt số tiền 110.000.000 đồng.

Các bị cáo Nguyễn Hữu A tham gia đánh bạc 3 lần với số tiền 556.700.000 đồng, Phan Công T10 tham gia đánh bạc 2 lần với số tiền 484.000.000 đồng, Nguyễn Viết Đ tham gia đánh bạc 1 lần với số tiền 114.000.000 đồng, Nguyễn Tất B2 tham gia đánh bạc 1 lần với số tiền 68.500.000 đồng, Hồ Công V1 tham gia đánh bạc 3 lần với số tiền 69.000.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo Trương Hữu L, Nguyễn Thị Trúc L1, Phạm H3, Nguyễn Thị Tuyết S1, Võ Thành C, Bùi Thanh T2, Nguyễn Thị Tuyết S là thông qua gian lận trong khi đánh bạc để chiếm đoạt tài sản của bị hại, ý thức của các bị cáo không phải mục đích để thắng thua trong việc đánh bạc. Đánh tráo bài, đổi bài ... là thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản, nên các bị cáo không phạm tội “Đánh bạc” mà phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã rút một phần quyết định truy tố đối với các bị cáo Trương Hữu L, Nguyễn Thị Trúc L1, Phạm H3; Võ Thành C; Bùi Thanh T2, Nguyễn Thị Tuyết S, Nguyễn Thị Tuyết S1 về tội: “Đánh bạc” là đúng quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị cáo Nguyễn Thị Tuyết S tuy có mặt trong lần chiếm đoạt của anh Nguyễn Hữu A 190.000.000 đồng, nhưng không giúp sức gì cho nhóm của Trương Hữu L và không được chia khoản tiền nào, nên số tiền mà bị cáo Nguyễn Thị Tuyết S chiếm đoạt 2 lần là 110.000.000 đồng, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên

Huế đề nghị truy tố bị cáo Nguyễn Thị Tuyết S về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự là có cơ sở.

Với các hành vi nêu trên, các bị cáo Trương Hữu L, Nguyễn Thị Trúc L1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự, các bị cáo Phạm H3; Võ Thành C; Bùi Thanh T2 và Nguyễn Thị Tuyết S1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự, bị cáo Nguyễn Thị Tuyết S phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Nguyễn Hữu A, Phan Công T10, Nguyễn Viết Đ, Nguyễn Tất B2, Hồ Công V1 phạm tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự.

[3]. Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng:

Các bị cáo trong vụ án là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Các bị cáo Trương Hữu L, Nguyễn Thị Trúc L1, Phạm H3, Võ Thành C, Bùi Thanh T2, Nguyễn Thị Tuyết S, Nguyễn Thị Tuyết S1 nhận thức được hành vi dùng những thủ đoạn gian dối để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự, nhưng vì để có tiền tiêu xài cá nhân, các bị cáo đã bất chấp tất cả, lợi dụng niềm tin của các bị hại để chiếm đoạt tài sản thông qua hành vi đánh bạc.

Các bị cáo Nguyễn Hữu A, Phan Công T10, Nguyễn Viết Đ, Nguyễn Tất B2, Hồ Công V1 nhận thức được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vẫn cố ý và trực tiếp thực hiện.

Do đó cần có mức hình phạt nghiêm khắc đối với từng bị cáo mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Đối với bị cáo Trương Hữu L là người tổ chức, phân công và trực tiếp cùng các đồng phạm thực hiện tội phạm do đó hành vi của bị cáo Trương Hữu L cần phải xử phạt nghiêm hơn các bị cáo khác. Đối với bị cáo Nguyễn Thị Trúc L1 là người thực hành tích cực, trực tiếp tham gia vào hầu hết các lần phạm tội, vai trò đồng phạm chỉ đứng sau bị cáo Trương Hữu L, do đó cần phải xử phạt nghiêm bị cáo Nguyễn Thị Trúc L1 sau bị cáo Trương Hữu L. Đối với các bị cáo Phạm H3, Võ Thành C, Bùi Thanh T2, Nguyễn Thị Tuyết S1, Nguyễn Thị Tuyết S là người thực hành và trực tiếp phạm tội, do đó cần phải xử phạt tương xứng với số tiền chiếm đoạt và nhân thân của từng bị cáo.

Đối với các bị cáo Nguyễn Hữu A, Phan Công T10, Nguyễn Viết Đ, Nguyễn Tất B2, Hồ Công V1 đều trực tiếp tham gia đánh bạc, do đó cần phải xử phạt nghiêm, tương ứng với số tiền của từng bị cáo đã đánh bạc, tuy nhiên cần xem xét cho các bị cáo khi lượng hình vì các bị cáo cũng là bị hại trong vụ án. Đối với bị cáo Nguyễn Hữu A, Phan Công T10 phạm tội 2 lần trở lên, các lần phạm tội đều là tội phạm nghiêm trọng, nên phải cách ly ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục các bị cáo này. Đối với bị cáo Nguyễn Viết Đ, Nguyễn Tất B2, Hồ Công V1 số tiền đánh bạc ít hơn bị cáo Nguyễn Hữu A và Phan Công T10. Hồ Công V1 phạm tội 2 lần, các lần phạm tội đều là tội phạm ít nghiêm trọng, nên phạt

các bị cáo Nguyễn Viết Đ, Nguyễn Tất B2, Hồ Công V1 hình phạt chính là hình phạt tiền cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Viết Đ, Nguyễn Tất B2 không phạm vào tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Các bị cáo còn lại đều phạm vào tình tiết tăng nặng “Phạm tội 2 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo Trương Hữu L và bị cáo Nguyễn Thị Trúc L1 phạm tội 5 lần trở lên và lấy đó làm nguồn sống chính, nên phạm vào tình tiết tăng nặng là “phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” theo điểm b khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo Trương Hữu L khi phạm tội chưa được xóa án tích, nên thuộc trường hợp “Tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng các bị cáo Trương Hữu L, Nguyễn Thị Trúc L1, Phạm H3, Võ Thành C, Bùi Thanh T2, Nguyễn Thị Tuyết S, Nguyễn Thị Tuyết S1 đã nộp một phần tiền đã chiếm đoạt để khắc phục hậu quả, nên được hưởng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Không có cơ sở để loại bỏ tình tiết tăng nặng và áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ như đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo.

Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý như sau:

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA Model: TA1212 màu trắng đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA Model: TA1203 màu đen đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, mặt sau màu tím, có ốp lưng màu đen đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA Model: RM1172 đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, mặt sau màu xanh đen đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, mặt sau màu tím, có ốp lưng màu hồng, đen, trắng, đã qua sử dụng là những phương tiện mà các bị cáo sử dụng vào hành vi phạm tội, do đó cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Số tiền các bị cáo chiếm đoạt là 1.214.500.000 đồng, về nguyên tắc thì trả lại cho các bị hại, nhưng đây là số tiền bị hại dùng vào việc đánh bạc, nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Đã tạm giữ số tiền 259.000.000 đồng do phạm tội mà có, nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Bị cáo Nguyễn Hữu A đã nhận tiền bồi thường từ gia đình bị cáo Võ Thành C 20.000.000 đồng, nên buộc bị cáo Nguyễn Hữu A phải nộp lại để sung ngân sách Nhà nước. Số tiền còn lại 1.214.500.000

đồng - 259.000.000 đồng - 20.000.000 đồng = 939.500.000 đồng, các bị cáo Trương Hữu L, Nguyễn Thị Trúc L1, Phạm H3, Võ Thành C, Bùi Thanh T2, Nguyễn Thị Tuyết S, Nguyễn Thị Tuyết S1 phải tiếp tục nộp để sung công.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trương Hữu L, Nguyễn Thị Trúc L1, Phạm H3, Võ Thành C, Bùi Thanh T2, Nguyễn Thị Tuyết S1, Nguyễn Thị Tuyết S phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; các bị cáo Nguyễn Hữu A, Phan Công T10, Nguyễn Viết Đ, Nguyễn Tất B2, Hồ Công V1 phạm tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, t khoản 1 Điều 51; điểm b, g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (bị cáo Trương Hữu L áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự).

Xử phạt bị cáo Trương Hữu L 9 năm 6 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày tạm giữ 08/4/2021.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Trúc L1 7 năm 3 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày tạm giữ 08/4/2021.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Phạm H3 3 năm 3 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 08/4/2021 đến ngày 03/11/2021.

Xử phạt bị cáo Võ Thành C 3 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 08/4/2021 đến ngày 03/11/2021.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tuyết S1 2 năm 9 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo Bùi Thanh T2 2 năm 3 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 08/4/2021 đến ngày 03/11/2021.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tuyết S 1 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu A 1 năm 3 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo Phan Công T10 1 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; Điều 35; điểm s, t khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (Bị cáo Hồ Công V1 áp dụng thêm điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự)

Xử phạt bị cáo Nguyễn Viết Đ 50.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Hồ Công V1 40.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tất B2 30.000.000 đồng.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên xử:

Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA Model: TA1212 màu trắng đã qua sử dụng. 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA Model: TA1203 màu đen đã qua sử dụng. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, mặt sau màu tím, có ốp lưng màu đen đã qua sử dụng. 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA Model: RM1172 đã qua sử dụng. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, mặt sau màu xanh đen đã qua sử dụng. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, mặt sau màu tím, có ốp lưng màu hồng, đen, trắng, đã qua sử dụng.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước tổng số tiền tạm giữ là 259.000.000 đồng.

Theo Ủy nhiệm chi ngày 30/9/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra đã nộp vào tài khoản của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế. Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 28/10/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Cục thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

Buộc bị cáo Nguyễn Hữu A nộp số tiền 20.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo Trương Hữu L nộp số tiền 140.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc các bị cáo phải liên đới nộp số tiền để sung vào ngân sách Nhà nước như sau:

-Trương Hữu L và Nguyễn Thị Tuyết S phải nộp 30.000.000 đồng, theo phần mỗi bị cáo 15.000.000 đồng.

-Trương Hữu L, Nguyễn Thị Tuyết S, Võ Thành C, Nguyễn Thị Trúc L1 phải nộp 80.000.000 đồng, theo phần mỗi bị cáo 20.000.000 đồng.

-Trương Hữu L, Bùi Thanh T2, Võ Thành C, Nguyễn Thị Trúc L1 phải nộp 190.000.000 đồng, theo phần mỗi bị cáo 47.500.000 đồng.

-Trương Hữu L và Nguyễn Thị Trúc L1 phải nộp 240.000.000 đồng, theo phần mỗi bị cáo 120.000.000 đồng.

-Trương Hữu L, Bùi Thanh T2, Nguyễn Thị Tuyết S1, Nguyễn Thị Trúc L1 phải nộp 64.500.000 đồng, theo phần mỗi bị cáo 16.125.000 đồng.

-Trương Hữu L, Phạm H3 và Nguyễn Thị Trúc L1 phải nộp 190.000.000 đồng, theo phần mỗi bị cáo 63.333.000 đồng.

-Trương Hữu L, Phạm H3, Nguyễn Thị Tuyết S1 và Nguyễn Thị Trúc L1 phải nộp 280.000.000 đồng, theo phần mỗi bị cáo 70.000.000 đồng.

Trong số tiền 259.000.000 đồng đã tịch thu, bị cáo Trương Hữu L nộp 50.000.000 đồng, Nguyễn Thị Trúc L1 nộp 50.000.000 đồng, Phạm H3 nộp 20.000.000 đồng, Võ Thành C nộp 20.000.000 đồng, Bùi Thanh T2 nộp 65.000.000 đồng, Nguyễn Thị Tuyết S1 nộp 27.000.000 đồng, Nguyễn Thị Tuyết S nộp 27.000.000 đồng. Số tiền này và số tiền bị cáo Võ Thành C đã bồi thường cho Nguyễn Hữu A 20.000.000 đồng được trừ vào số tiền các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới nộp sung ngân sách.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Trương Hữu L, Nguyễn Thị Trúc L1, Phạm H3, Võ Thành C, Bùi Thanh T2, Nguyễn Thị Tuyết S, Nguyễn Thị Tuyết S1, Nguyễn Hữu A, Phan Công T10, Nguyễn Viết Đ, Nguyễn Tất B2, Hồ Công V1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Phòng PV06 CA tỉnh TT Huế;
- Trại tạm giam CA tỉnh TT Huế;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh TT Huế;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh TT Huế;
- Cục THADS tỉnh TT Huế;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, THS, THCTP.

Hoàng Quang Bình

